

Số: 48/QĐ-THCSSL

Song Lộc, ngày 07 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai tình hình thực hiện
dự toán thu – chi ngân sách quý 3 năm 2023 của trường THCS Song Lộc**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ SONG LỘC

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết toán kinh phí quý 3 năm 2023 của trường;

Xét đề nghị của kế toán trường;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 3 năm 2023 của trường THCS Song Lộc .

Nội dung chi tiết theo biểu số 3, biểu số 7 đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Giám hiệu, công đoàn, kế toán và các đoàn thể có liên quan trong đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- Công đoàn;
- Lưu : VT.

Đính kèm:

- Biểu số 3.
- Biểu số 7



Lưu Văn Điền

Đơn vị: Trường THCS Song Lộc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương: 622

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Song Lộc, ngày 7 tháng 10 năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ III/2023

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-THCSSL ngày 7/10/2023 của Trường THCS Song Lộc)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THCS Song Lộc công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý (6 tháng/cả năm) như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		128.576.000	98%	98%
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
2	Chi quản lý hành chính				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước		128.576.000	98%	98%
1	Lệ phí				
2	Phí		128.576.000		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước		1.722.149.769	95%	95%
I	Nguồn ngân sách trong nước		1.722.149.769	95%	95%
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		1.722.149.769	95%	95%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		1.720.549.769	95%	95%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		1.600.000	95%	95%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày 7 Tháng 10 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Lưu Văn Điền

Biểu số 7 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường THCS Song Lộc

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương: 622

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Song Lộc, ngày 7 tháng 10 năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ III/2023

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-THCSSL ngày 7/10/2023 của Trường THCS Song Lộc)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THCS Song Lộc công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý (6 tháng/cả năm) như sau:

ĐV tính: đồng

Số	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
1	Nguồn ngân sách trong nước		1.722.149.769	95%	95%
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		1.722.149.769	95%	95%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		1.720.549.769	95%	95%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		1.600.000	95%	95%
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				

8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày 7 Tháng 10 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Lưu Văn Điền

BẢNG CÔNG KHAI TÀI CHÍNH CHI TIẾT TỪ THÁNG 1 ĐẾN THÁNG 9 NĂM 2023

	Tiêu mục	Tổng số	ĐT 2023	QUÍ 1	QUÍ 2	QUÍ 3	ĐÃ SỬ DỤNG (Q1+Q2+Q3)	TỜN
1	6001	Lương biên chế	3.027.000.000	749.261.400	759.408.300	919.577.400	2.428.247.100	598.752.900
2	6049	Lương khác	23.400.000	0	0	0	0	23.400.000
3	6101	Phụ cấp chức vụ	39.336.000	9.834.000	9.834.000	9.000.000	28.668.000	10.668.000
4	6112	PC đứng lớp	914.724.000	226.129.209	229.173.279	276.749.046	732.051.534	182.672.466
5	6113	Phụ cấp trách nhiệm	5.364.000	1.341.000	1.341.000	1.620.000	4.302.000	1.062.000
6	6115	Phụ cấp thâm niên	669.004.000	170.774.564	174.141.316	214.948.108	559.863.988	109.140.012
7	6115	Phụ cấp vượt khung	41.400.000	0	0	0	0	41.400.000
8	6301	BH xã hội	660.780.000	162.727.242	165.197.132	200.116.965	528.041.339	132.738.661
9	6302	BH Y tế	113.280.000	27.896.099	28.319.508	34.305.766	90.521.373	22.758.627
10	6303	Kinh phí công đoàn	75.520.000	18.597.399	18.879.673	22.870.510	60.347.582	15.172.418
11	6304	Bảo hiểm thất nghiệp	36.835.000	8.974.126	9.115.262	11.043.153	29.132.541	7.702.459
12	6501	Tiền điện	14.000.000	1.745.497	3.151.772	1.253.464	6.150.733	7.849.267
13	6502	Tiền nước	6.000.000	308.016	322.016	1.155.059	1.785.091	4.214.909
14	6551	Văn phòng phẩm	6.000.000	1.340.000	0	0	1.340.000	4.660.000
15	6552	Công cụ dụng cụ	8.000.000	8.600.000	4.046.000	0	12.646.000	-4.646.000
16	6599	Vật tư văn phòng khác	6.000.000	502.500	16.920.000	1.190.000	18.612.500	-12.612.500
17	6601	Cước phí điện thoại	1.200.000	133.218	132.561	93.922	359.701	840.299
18	6605	Cước phí Internet	3.168.000	792.000	792.000	792.000	2.376.000	792.000
20	6704	Khoản công tác phí	6.000.000	1.500.000	1.500.000	1.500.000	4.500.000	1.500.000
21	6751	Thuê xe		2.200.000		1.192.800	3.392.800	-3.392.800
24	6757	Thuê lao động trong nước	38.400.000	8.940.000	8.940.000	10.800.000	28.680.000	9.720.000
25	6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	10.000.000	3.500.000	0	0	3.500.000	6.500.000
26	7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	19.600.000	10.984.100	575.000	3.922.776	15.481.876	4.118.124
27	7004	Đồng phục, trang phục	4.000.000	1.680.000	0	0	1.680.000	2.320.000
28	7012	Chi phí	7.000.000	848.000	0	3.264.000	4.112.000	2.888.000
29	6701	Tiền vé máy bay, tàu, xe	8.000.000		4.014.600	2.894.800	6.909.400	1.090.600
30	6702	Phụ cấp công tác phí	7.772.000		2.320.000	1.560.000	3.880.000	3.892.000
31	7799	Chi khác	25.400.000			0	0	25.400.000
32	6799	Đo điện trở		0	0	700.000	700.000	-700.000
22	6921	Đường điện, cấp thoát nước	10.000.000		0	0	0	10.000.000
23	7049	Chi khác	10.000.000	1.230.000	1.910.000	0	3.140.000	6.860.000
19	6699	Chi phí khác	1.560.000	0		0	0	1.560.000
33	6956	Các thiết bị công nghệ thông tin	15.000.000		0	0	0	15.000.000
34	7757	Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	3.500.000			0	0	3.500.000
			5.817.243.000	1.419.838.370	1.440.033.419	1.720.549.769	4.580.421.558	1.236.821.442

Song Lộc, ngày 05 tháng 10 năm 2023

Kế toán



Nguyễn Thị Bé Ngoan

Thủ trưởng đơn vị




Lưu Văn Điền